

Số: 8356 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2013

V/v hướng dẫn về xác định trước mã số, trị giá và thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật QLT sửa đổi

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20/11/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2013, trong khi chờ các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật được ban hành, Bộ Tài chính hướng dẫn Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

I. Thời hạn nộp thuế

1. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, trong đó điều kiện để áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu, được quy định cụ thể như sau:

a) Người nộp thuế phải có cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu (trên cơ sở cam kết của doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết); Cơ quan Hải quan phải kiểm tra thực tế đối với những doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;

b) Người nộp thuế có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trong thời gian ít nhất 02 năm liên tục tính đến ngày đăng ký tờ khai hải quan cho lô hàng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu và trong 02 năm đó được cơ quan hải quan xác định là:

b.1) Không bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

b.2) Không bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

c) Người nộp thuế không nợ tiền thuế quá hạn, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai;

d) Người nộp thuế không bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kế toán trong 02 năm liên tục tính từ ngày đăng ký tờ khai hải quan trở về trước;

đ) Nguyên liệu vật tư nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Các trường hợp thanh toán được coi như thanh toán

qua ngân hàng xử lý tương tự như quy định tại khoản 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

Trường hợp không trực tiếp nhập khẩu, người ủy thác phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện trên và có hợp đồng ủy thác nhập khẩu; người nhận ủy thác nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, c, d, đ nêu trên.

Trường hợp công ty mẹ nhập khẩu, cung ứng cho các công ty thành viên trực thuộc hoặc công ty thành viên nhập khẩu cung ứng cho các đơn vị trực thuộc công ty thành viên hoặc công ty thành viên nhập khẩu cung ứng cho công ty thành viên khác thì các đơn vị trực thuộc công ty mẹ, trực thuộc công ty thành viên, công ty thành viên khác phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện trên; công ty mẹ hoặc công ty thành viên nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, c, d, đ nêu trên và cung cấp cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục danh sách đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc đã kê khai với cơ quan thuế.

2. Hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất bao gồm cả trường hợp gửi kho ngoại quan để tạm nhập - tái xuất phải tạm nộp các loại thuế liên quan (như hàng hóa nhập khẩu kinh doanh) vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc; Khi tái xuất sẽ được hoàn trả.

3. Thời hạn nộp thuế đối với một số trường hợp đặc thù, trừ trường hợp được nộp dần tiền thuế nợ quy định tại khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký tờ khai hải quan một lần để xuất khẩu, nhập khẩu nhiều lần thì thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định và áp dụng đối với từng lần thực tế xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu còn trong sự giám sát của cơ quan hải quan, nhưng bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giữ để điều tra, chờ xử lý thì thời hạn nộp thuế đối với từng trường hợp thực hiện theo quy định nhưng được tính từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản cho phép giải toả hàng hoá đã tạm giữ;

c) Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu trước ngày 01/07/2013 để sản xuất hàng hoá xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập - tái xuất chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện kê khai nộp thuế trước khi được chuyển tiêu thụ nội địa.

Trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sau ngày 01/07/2013 để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng tái xuất nguyên liệu, vật tư thì tính lại thời hạn nộp thuế, tiền chậm nộp kể từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng.

Trường hợp nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sau ngày 01/07/2013 để sản xuất hàng hoá xuất khẩu nhưng xuất khẩu sản phẩm ngoài thời hạn nộp thuế; nhập khẩu theo loại hình kinh doanh tạm nhập - tái xuất nhưng tái xuất ngoài thời hạn nộp thuế thì phải trả tiền chậm nộp kể từ ngày quá thời hạn nộp thuế đến ngày thực xuất khẩu sản phẩm/tái xuất hoặc đến ngày thực nộp thuế (nếu

ngày thực nộp thuế trước ngày thực xuất khẩu sản phẩm/tái xuất).

d) Hàng hoá nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng đã được thông quan nếu kiểm tra, xác định hàng hóa không thuộc đối tượng được xét miễn thuế, thì phải trả tiền chậm nộp kể từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định (nếu có);

Hàng hoá nhập khẩu phục vụ trực tiếp nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo thuộc đối tượng được xét miễn thuế, trong thời gian chờ xét miễn thuế, người nộp thuế phải cam kết thực hiện quyết định cuối cùng của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về số tiền thuế phải nộp. Trường hợp kiểm tra, xác định hàng hóa không thuộc đối tượng được xét miễn thuế, thì phải tính lại thời hạn nộp thuế và phải trả tiền chậm nộp kể từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định (nếu có).

đ) Trường hợp khai báo nộp bổ sung tiền thuế thiếu, tiền thuế do cơ quan hải quan ấn định thì thời hạn nộp thuế được tính từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng.

II. Xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là xác định trước mã số)

1. Xác định trước mã số được thực hiện đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trước khi làm thủ tục hải quan, theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

2. Hồ sơ xác định trước mã số:

a) Đơn đề nghị xác định trước mã số (theo mẫu số 01/XĐTMS/2013 ban hành kèm theo công văn này): 01 bản chính;

b) Hợp đồng mua bán với nước ngoài của hàng hóa đề nghị xác định trước mã số theo quy định hiện hành: 01 bản sao;

c) Tài liệu kỹ thuật mô tả chi tiết thành phần, tính chất, cấu tạo, công dụng, phương thức vận hành của hàng hóa cần xác định trước mã số: 01 bản chính;

d) Catalogue hoặc hình ảnh hàng hóa đề nghị xác định trước mã số: 01 bản sao;

đ) Mẫu hàng hóa đối với trường hợp phải có mẫu hàng hóa theo yêu cầu của Tổng cục Hải quan;

e) Bảng kê các tài liệu của hồ sơ xác định trước mã số: 01 bản chính.

3. Thủ tục xác định trước mã số:

a) Đối với tổ chức, cá nhân có đề nghị xác định trước mã số:

a.1) Điền đủ các thông tin vào đơn đề nghị xác định trước mã số (theo mẫu số 01/XĐTMS/2013 ban hành kèm theo công văn này).

a.2) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số theo quy định tại khoản 2 Điều này (trừ điểm e) đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi dự kiến làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đề nghị xác định trước mã số (sau đây gọi là Cục Hải

quan tỉnh, thành phố), trong thời hạn ít nhất 90 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;

a.3) Cung cấp, bổ sung tài liệu, thông tin nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc Tổng cục Hải quan khi có yêu cầu;

a.4) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, trong đó nêu rõ ngày, tháng, năm có sự thay đổi.

a.5) Đề nghị Tổng cục Hải quan gia hạn áp dụng văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số trong trường hợp hết thời hạn 03 năm, nếu không có thay đổi về thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa và quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số.

b) Đối với cơ quan hải quan:

Trên cơ sở quy định của pháp luật, cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của cơ quan hải quan và hồ sơ đề nghị xác định trước mã số của tổ chức cá nhân, cơ quan hải quan thực hiện như sau:

b.1) Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra hồ sơ và xử lý:

b.1.1) Nếu hồ sơ xác định trước mã số không đủ hoặc Đơn đề nghị không điền đủ các thông tin theo mẫu: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận Đơn đề nghị, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung các thông tin, chứng từ, tài liệu, và trả lại hồ sơ xác định trước mã số;

b.1.2) Nếu hồ sơ xác định trước mã số đủ, Đơn đề nghị điền đủ thông tin: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, giải quyết trong đó nêu rõ ý kiến đề xuất mã số của mặt hàng đề nghị xác định trước, lý do, cơ sở đề xuất và gửi kèm hồ sơ đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân gửi.

Hồ sơ và kết quả xử lý được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan Hải quan.

b.2) Tổng cục Hải quan kiểm tra hồ sơ, văn bản đề nghị của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và xử lý:

b.2.1) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ do Cục Hải quan tỉnh, thành phố gửi (đối với các hàng hóa thông thường) hoặc trong thời hạn tối đa 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với các hàng hóa phải phân tích, giám định, hoặc trường hợp hàng hóa phức tạp), Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số (theo mẫu số 02/TB-XĐTMS/2013 ban hành kèm theo công văn này). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số được gửi cho tổ chức, cá nhân, các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.

b.2.2) Trong quá trình xử lý hồ sơ đề nghị xác định trước mã số do Cục Hải quan tỉnh, thành phố gửi, nếu chưa đủ cơ sở, thông tin hoặc trường hợp phải có mẫu hàng hóa để xác định trước mã số, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ từ Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung thông tin, tài liệu hoặc mẫu hàng hóa theo quy định.

Đối với trường hợp phải bổ sung chứng thư giám định, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo để tổ chức, cá nhân có đề nghị xác định trước mã số gửi mẫu đến tổ chức sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật của các Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi tắt là tổ chức kỹ thuật) hoặc tổ chức kinh doanh dịch vụ giám định (trong trường hợp tổ chức kỹ thuật có văn bản từ chối) để trưng cầu giám định và gửi bổ sung chứng thư giám định cho Tổng cục Hải quan.

Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị xác định trước mã số được tính từ ngày Tổng cục Hải quan nhận đủ thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa hoặc chứng thư giám định) do tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung.

b.2.3) Đối với trường hợp cần xác minh làm rõ tại cơ quan thẩm quyền nước ngoài thì thời hạn xác minh thực hiện theo thỏa thuận đã ký với nước ngoài. Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị xác định trước mã số tính từ ngày Tổng cục Hải quan nhận được kết quả xác minh của cơ quan thẩm quyền nước ngoài.

b.3) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét gia hạn áp dụng văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số trong trường hợp tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị.

4. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số:

a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số.

b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số có hiệu lực tối đa là 03 năm kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký ban hành.

c) Trường hợp hết thời hạn 03 năm nếu không có thay đổi về thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa và căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, Tổng cục Hải quan xem xét gia hạn áp dụng văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

d) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản sửa đổi, thay thế văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số (theo mẫu số 03/TT-XĐTMS/2013 ban hành kèm theo công văn này) trong trường hợp phát hiện văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số chưa phù hợp.

e) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ để ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Thời gian chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn

bản thông báo kết quả xác định trước mã số được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực thi hành.

g) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực.

5. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số là cơ sở để khai báo mã số trên tờ khai hải quan và được nộp cùng với hồ sơ hải quan (01 bản sao) khi làm thủ tục hải quan.

6. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản kiến nghị Bộ Tài chính để được xem xét, giải quyết.

III. Về xác định trước trị giá hải quan cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi tắt là xác định trước trị giá)

1. Trường hợp, điều kiện xác định trước trị giá:

a) Xác định trước phương pháp xác định trị giá tính thuế, các khoản điều chỉnh cộng, điều chỉnh trừ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nếu tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước trị giá chưa từng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giống hệt với hàng hóa đó;

b) Xác định trước mức giá ngoài việc đáp ứng điều kiện nêu tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mức giá phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

b.1) Có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trong thời gian ít nhất đủ 02 năm liên tục tính đến ngày nộp Đơn đề nghị xác định trước trị giá. Trong vòng 02 năm đó, tổ chức, cá nhân:

b.1.1) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

b.1.2) Không bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

b.2) Đã thực hiện thanh toán qua ngân hàng bằng phương thức L/C cho toàn bộ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc hợp đồng mua bán đề nghị xác định trước trị giá.

b.3) Thực hiện giao hàng 01 lần cho toàn bộ hàng hóa thuộc hợp đồng mua bán đề nghị xác định trước trị giá.

2. Hồ sơ xác định trước trị giá:

a) Đối với trường hợp đề nghị xác định trước phương pháp xác định trị giá tính thuế:

a.1) Đơn đề nghị xác định trước trị giá (theo mẫu số 04/XĐTTG/2013 ban hành kèm theo công văn này): 01 bản chính.

a.2) Hợp đồng mua bán hàng hóa do tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010: 01 bản sao.

a.3) Tài liệu kỹ thuật, hình ảnh hoặc catalogue hàng hóa: 01 bản sao.

a.4) Các chứng từ, tài liệu phù hợp với trường hợp đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức, cá nhân như:

a.4.1) Đối với hàng hóa nhập khẩu:

- Chứng từ, tài liệu chứng minh mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch;

- Chứng từ, tài liệu có liên quan đến các khoản tiền người mua phải trả nhưng chưa tính vào giá mua ghi trên hoá đơn thương mại;

- Chứng từ, tài liệu có liên quan đến các khoản điều chỉnh cộng;

- Chứng từ, tài liệu có liên quan đến các khoản điều chỉnh trừ;

a.4.2) Đối với hàng hóa xuất khẩu: Các chứng từ có liên quan trong trường hợp giá bán thực tế tại cửa khẩu xuất không phải là giá FOB, giá DAF.

a.5) Bảng kê các chứng từ, tài liệu: 01 bản chính.

b) Đối với trường hợp đề nghị xác định trước mức giá: Ngoài các chứng từ, tài liệu nêu tại điểm a khoản này, hồ sơ xác định trước mức giá của tổ chức, cá nhân phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng phương thức L/C của toàn bộ hàng hóa thuộc hợp đồng mua bán: 01 bản sao.

3. Thủ tục xác định trước trị giá:

a) Đối với tổ chức, cá nhân:

a.1) Điền đủ các thông tin vào Đơn đề nghị xác định trước trị giá (theo mẫu số 04/XĐTTG/2013 ban hành kèm theo công văn này);

a.2) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi dự kiến làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đề nghị xác định trước trị giá (sau đây gọi là Cục Hải quan tỉnh, thành phố), trong thời hạn ít nhất 90 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;

a.3) Cung cấp bổ sung hồ sơ, tham gia đối thoại nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước trị giá cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoặc Tổng cục Hải quan khi có yêu cầu;

a.4) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào so với hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá đã nộp cho cơ quan hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.

a.5) Đề nghị Tổng cục Hải quan gia hạn áp dụng văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá trong trường hợp hết thời hạn 03 năm, nếu không có

thay đổi về thông tin, tài liệu và quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá.

b) Đối với cơ quan hải quan:

Trên cơ sở quy định của pháp luật, cơ sở dữ liệu về trị giá của cơ quan hải quan và hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức, cá nhân, cơ quan hải quan thực hiện như sau:

b.1) Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra hồ sơ và xử lý:

b.1.1) Nếu không đủ điều kiện xác định trước trị giá quy định tại khoản 1 điều này hoặc Hợp đồng mua bán hàng hóa do tổ chức, cá nhân không trực tiếp thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản từ chối xác định trước trị giá gửi tổ chức, cá nhân;

b.1.2) Nếu đủ điều kiện xác định trước trị giá quy định tại khoản 1 điều này, Hợp đồng mua bán hàng hóa do tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện giao dịch nhưng hồ sơ không đủ hoặc Đơn đề nghị không điền đủ thông tin theo mẫu: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung các thông tin, chứng từ, tài liệu và trả lại hồ sơ xác định trước trị giá;

b.1.3) Nếu đủ điều kiện xác định trước trị giá quy định tại khoản 1 điều này, Hợp đồng mua bán hàng hóa của tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện giao dịch, đủ hồ sơ và Đơn đề nghị điền đủ thông tin theo mẫu: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có văn bản đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, giải quyết và gửi kèm toàn bộ hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức, cá nhân. Văn bản đề nghị Tổng cục Hải quan phải nêu rõ ý kiến đề xuất, cơ sở đề xuất.

Hồ sơ và kết quả xử lý được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về trị giá của cơ quan hải quan.

b.2) Tổng cục Hải quan kiểm tra hồ sơ, văn bản đề nghị của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và xử lý:

b.2.1) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ do Cục Hải quan tỉnh, thành phố gửi (đối với trường hợp thông thường) hoặc 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp cần xác minh, làm rõ), Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá (theo mẫu số 05/TB-XĐTTG/2013 ban hành kèm theo công văn này). Văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá được gửi cho tổ chức, cá nhân và Cục Hải quan tỉnh, thành phố, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.

b.2.2) Trong quá trình xử lý hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá, nếu cần làm rõ thông tin, chứng từ trong hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá, Tổng cục Hải quan yêu cầu tổ chức, cá nhân tham gia đối thoại. Trường hợp không đủ cơ

sở, thông tin, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ từ Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo hoặc đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung thông tin, tài liệu. Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá được tính từ ngày Tổng cục Hải quan nhận đủ thông tin, tài liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung.

b.2.3) Đối với trường hợp cần xác minh làm rõ tại cơ quan thẩm quyền nước ngoài thì thời hạn xác minh làm rõ thực hiện theo thỏa thuận đã ký với nước ngoài. Thời hạn xử lý hồ sơ xác định trước trị giá được tính từ ngày Tổng cục Hải quan nhận được kết quả xác minh.

4. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá:

a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá; hoặc hồ sơ xác định trước trị giá có thay đổi.

b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá có hiệu lực đối với giao dịch được xác định trước trị giá nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký ban hành trong trường hợp xác định trước phương pháp xác định trị giá tính thuế hoặc có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá.

c) Trường hợp hết thời hạn 03 năm, nếu không có thay đổi về thông tin, tài liệu và căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét gia hạn áp dụng văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.

d) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản sửa đổi, thay thế văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá (theo mẫu số 06/TT-XĐTTG/2013 ban hành kèm theo công văn này) trong trường hợp phát hiện văn bản thông báo kết quả xác định trước chưa phù hợp. Văn bản sửa đổi, thay thế văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá có hiệu lực áp dụng kể từ ngày ban hành.

đ) Văn bản thông báo xác định trước trị giá chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá có thay đổi. Thời điểm chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành thông báo kết quả xác định trước trị giá thay đổi có hiệu lực thi hành.

e) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước trị giá do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực.

5. Văn bản thông báo kết quả xác định trước trị giá là cơ sở để khai báo Tờ khai trị giá tính thuế và được nộp cùng với hồ sơ hải quan (01 bản sao) khi làm thủ tục hải quan.

6. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước trị giá của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính để được xem xét, giải quyết.

Bộ Tài chính thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện, đồng thời niêm yết công khai công văn này trụ sở Cục, các Chi cục Hải quan và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có vướng mắc kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để xem xét giải quyết.

Công văn này hết hiệu lực khi Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (181).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ

Kính gửi:

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số:

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	

B. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

6. Tên thương mại:	
7. Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
8. Số hợp đồng:	9. Ngày hợp đồng:
10. Ký, mã hiệu, chủng loại:	11. Nhà sản xuất:

C. Mô tả chi tiết hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

12. Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học:
13. Cơ chế hoạt động, tính năng:
14. Hàm lượng tính trên trọng lượng:
15. Thông số kỹ thuật:
16. Quy trình sản xuất:
17. Công dụng theo thiết kế:
18. Các thông tin khác về hàng hóa:

D. Các tài liệu có liên quan đến hàng hóa đề nghị xác định trước mã số:

19. Tài liệu kỹ thuật:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
20(a). Catalogue <input type="checkbox"/>	20(b). Hình ảnh <input type="checkbox"/>	
21. Chứng thư giám định:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
22. Tài liệu có liên quan (nếu có, ghi rõ loại tài liệu)	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
23. Bảng kê tài liệu:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

E. Mẫu hàng hóa:

24. Lượng:

25. Đơn vị tính (theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam):

G. Ý kiến của tổ chức, cá nhân về mã số đối với hàng hóa đề nghị xác định trước

26. Mã số đề nghị (theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam):

27. Cơ sở đề nghị:

H.. .. (tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số) cam đoan:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, mẫu hàng hóa cung cấp cho cơ quan Hải quan để thực hiện xác định trước mã số.

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Mục C: Tùy theo đặc tính của hàng hóa đề nghị xác định trước mã số, tổ chức, cá nhân điền thông tin phù hợp vào các tiêu chí từ ô 12 đến ô 18.

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc kết quả xác định trước mã số

Căn cứ Luật quản lý thuế số ngày.... và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số... ngày...;

Căn cứ Nghị định số ngày... của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số... ngày... của Chính phủ quy định;

Căn cứ Thông tư số.... ngày.... hướng dẫn và Thông tư số.... ngày.... của Bộ Tài chính hướng dẫn;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, Đơn đề nghị số ngày.... do (tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế..... cung cấp và công văn sốngày.... của Cục Hải quan tỉnh/thành phố...;

Tổng cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước mã số như sau:

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:	
Tên thương mại:	
Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
Ký, mã hiệu, chủng loại:	Nhà sản xuất:
2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số:	
3. Kết quả xác định trước mã số:	
Tên thương mại:	
Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:	
Ký, mã hiệu, chủng loại:	Nhà sản xuất:
thuộc mã số..... tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	

Thông báo này có hiệu lực.....

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thông báo đề (tên tổ chức, cá nhân) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- ... (tên tổ chức, cá nhân)
(địa chỉ...);
- Cục HQ tỉnh/ thành phố....
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị sử dụng đối với tổ chức, cá nhân đã gửi đề nghị xác định trước mã số.

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, thay thế Thông báo kết quả xác định trước mã số

Căn cứ Luật Quản lý thuế số ngày.... và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số... ngày...;

Căn cứ Nghị định số ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số... ngày... của Chính phủ quy định;

Căn cứ Thông tư số.... ngày.... hướng dẫn..... và Thông tư số.... ngày.... của Bộ Tài chính hướng dẫn.....;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số do(tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế..... cung cấp;

Tổng cục Hải quan thông báo:

1. Sửa đổi Thông báo kết quả xác định trước mã số số..... ngày..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan như sau: (chi tiết nội dung sửa đổi và nội dung không sửa đổi tại thông báo đã ban hành)

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:

Tên thương mại:

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:

Ký, mã hiệu, chủng loại:

Nhà sản xuất:

2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số:

3. Kết quả xác định trước mã số:

Tên thương mại:

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng:

Ký, mã hiệu, chủng loại:

Nhà sản xuất:

thuộc mã số..... tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Lý do sửa đổi:

3. Thông báo này thay thế cho Thông báo số...ngày...của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và có hiệu lực.....

Nơi nhận:

- ...*(tên tổ chức, cá nhân)*;
- (địa chỉ:.....)*
- Cục HQ tỉnh/ thành phố....
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố.....

Tên tổ chức (cá nhân) đề nghị:.....

Địa chỉ:..... Số điện thoại:.....

Mã số thuế:.....

Tổ chức (cá nhân) đã bao giờ đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá? Có Không

Nếu câu trả lời là “Có” đề nghị ghi rõ các Thông báo kết quả xác định trước trị giá (số..... ngày... tháng... năm... của các Thông báo)

1. Điều kiện xác định trước trị giá đối với tổ chức, cá nhân:

ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ	
(1) Từng làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giống hệt với hàng hóa đang đề nghị xác định trước trị giá?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(2) Có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ít nhất đủ 02 năm liên tục tính đến ngày nộp Đơn đề nghị xác định trước trị giá không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(3) Có bị xử phạt một trong các hành vi dưới đây trong vòng 2 năm tính đến ngày nộp Đơn đề nghị hay không? <input type="checkbox"/> Xử phạt vi phạm hành chính về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; <input type="checkbox"/> Xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; <i>Tổ chức, cá nhân đánh dấu vào ô tương ứng (nếu có)</i>	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(4) Chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng phương thức L/C cho toàn bộ hàng hóa nhập khẩu thuộc hợp đồng mua bán đề nghị xác định trước trị giá	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
(5) Thực hiện giao hàng 01 lần cho toàn bộ hàng hóa thuộc hợp đồng mua bán đề nghị xác định trước trị giá.	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

2. Nội dung khai báo chi tiết:

Tên hàng hóa, đơn vị tính ¹		Mã số HS
Nội dung giao dịch ²		
Cục Hải quan (nơi dự kiến làm thủ tục hải quan):	Thời gian dự kiến đăng ký tờ khai xuất khẩu/nhập khẩu: Ngày... tháng... năm....	
Đề nghị xác định trước trị giá ³ : <input type="checkbox"/> Phương pháp trị giá giao dịch <input type="checkbox"/> Mức giá: Quan điểm của tổ chức, cá nhân về đề nghị xác định trước trị giá:..... <i>Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước về phương pháp trị giá giao dịch hoặc mức giá thì đánh dấu vào một trong 2 ô tương ứng, ghi rõ mức giá đề nghị (đối với trường hợp đề nghị xác định trước mức giá) và quan điểm về đề nghị xác định trước trị giá tương ứng đối với phương pháp hoặc mức giá.</i>		
Tổ chức cá nhân đề nghị xác định trước đồng ý công bố thông tin về xác định trước trị giá: <input type="checkbox"/> Công bố toàn phần <input type="checkbox"/> Công bố một phần (tổ chức, cá nhân liệt kê một số tiêu chí đề nghị không công bố)		

Tôi đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá hải quan cho hàng hóa nêu trên.
 Tôi xin cam đoan:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng từ, thông tin do tôi cung cấp.
2. Đồng ý cung cấp những tài liệu, chứng từ cần thiết để cơ quan hải quan kiểm tra khi có yêu cầu.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Tên hàng phải đầy đủ, chi tiết ký mã hiệu, nhãn hiệu theo hướng dẫn tại tiết a, điểm 1.3.1.1, khoản 1, Điều 24 Thông tư 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính.

Đơn vị tính: phải được định lượng rõ ràng theo đơn vị đo lường cơ bản (như m, kg, cái, chiếc,.....)

² Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 1 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

³ Tổ chức, cá nhân khai chi tiết tại mục 2 Bản mô tả giao dịch và xác định trị giá tính thuế kèm theo

BẢN MÔ TẢ GIAO DỊCH VÀ XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ

(Kèm theo Đơn đề nghị xác định trước trị giá)

1. Nội dung của giao dịch và các bên có liên quan trong giao dịch:

a) Các bên có liên quan trong giao dịch:

Số hợp đồng: _____ Ngày tháng năm _____
 Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu: _____ Tên đối tác nhập khẩu/ xuất khẩu: _____

b) Nội dung của giao dịch mua bán hàng hóa:

Mô tả cụ thể về giao dịch hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu như:

Tên hàng hóa; số lượng; đơn vị tính; đơn giá; đồng tiền thanh toán; nước nhập khẩu/ xuất khẩu; thời gian dự kiến giao hàng; điều kiện giao hàng; phương tiện vận tải; phương thức thanh toán; địa điểm xếp hàng; địa điểm giao hàng; quyền và nghĩa vụ của người mua và người bán trong giao dịch; các nội dung liên quan đến trọng tài kinh tế và các nội dung khác,....

2. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu:

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH	
1. Người mua có đầy đủ quyền quyết định, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
2. Việc bán hàng hay giá cả có phụ thuộc vào điều kiện nào dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa nhập khẩu hay không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
3. Người mua có phải trả thêm khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
4. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Nếu có, mối quan hệ đặc biệt đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
PHÂN XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ TÍNH THUẾ	
Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán:	_____
a) Giá mua ghi trên hóa đơn	a).....
b) Khoản thanh toán gián tiếp	b).....
c) Khoản tiền trả trước, ứng trước, đặt cọc	c).....
Các khoản phải cộng	_____
a) Chi phí hoa hồng bán hàng/ phí môi giới	a).....
b) Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa	b).....
c) Chi phí đóng gói hàng hóa	c).....

d) Các khoản trợ giúp người mua cung cấp miễn phí hoặc giảm giá <input type="checkbox"/> Nguyên vật liệu, bộ phận cấu thành, phụ tùng,... <input type="checkbox"/> Vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tiêu hao <input type="checkbox"/> Công cụ, dụng cụ, khuôn dập, khuôn đúc,..... <input type="checkbox"/> Bản vẽ thiết kế, sơ đồ, phác thảo	d).....
e) Tiền phí bản quyền, phí giấy phép	e).....
f) Tiền thu phải trả sau khi định đoạt, sử dụng hàng hóa	f).....
g) Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng	g).....
h) Chi phí bảo hiểm hàng hóa	h).....
Các khoản được trừ	_____
a) Phí bảo hiểm, vận tải hàng hóa trong nội địa	a).....
b) Chi phí phát sinh sau khi nhập khẩu	b).....
c) Tiền lãi phải trả do việc thanh toán tiền mua hàng	c).....
d) Các khoản thuế, phí, lệ phí phải trả	d).....
e) Khoản giảm giá	e).....
f) Chi phí liên quan đến tiếp thị hàng nhập khẩu	f).....
Trị giá tính thuế: <i>Nêu rõ công thức tính toán (nếu có)</i>	

Ghi chú: Ghi rõ khoản tiền của từng mục (nếu có) trong Phần xác định trị giá tính thuế

3. Phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng xuất khẩu:

- a) Phương pháp xác định trị giá tính thuế:.....
b) Lý do áp dụng:.....
c) Xác định trị giá tính thuế, nêu rõ các bước và giải trình chi tiết:.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB – TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO
Về việc kết quả xác định trước trị giá

Căn cứ Luật Quản lý thuế số.... ngày.... và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số.... ngày....;

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... của Chính phủ quy định.....;

Căn cứ Thông tư số..... ngày..... của Bộ Tài chính hướng dẫn..... ;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá, Đơn đề nghị số..... ngày..... do.....(tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế:.... cung cấp và công văn số....., ngày..... của Cục Hải quan tỉnh/thành phố.....;

Tổng cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước trị giá như sau:

Tên hàng hóa: Theo tiêu chí ¹ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá	Mã số HS:
Tóm tắt nội dung giao dịch: Theo tiêu chí ² mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá	
Tóm tắt nội dung đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức (cá nhân): Theo tiêu chí ³ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá	
Ý kiến của Tổng cục Hải quan: Lý do:	

Thông báo này có hiệu lực.....

Nơi nhận:

- (tên tổ chức, cá nhân)
(địa chỉ:.....);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (đề th/h);
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB - TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, thay thế Thông báo kết quả xác định trước trị giá

Căn cứ Luật Quản lý thuế số.... ngày.... và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số.... ngày....;

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... của Chính phủ quy định.....;

Căn cứ Thông tư số..... ngày.....của Bộ Tài chính hướng dẫn..... ;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước trị giá, Đơn đề nghị số..... ngày..... do.....(tên tổ chức, cá nhân), mã số thuế:.... cung cấp;

Tổng cục Hải quan thông báo:

1. Sửa đổi Thông báo kết quả xác định trước trị giá số..... ngày..... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan như sau: *(chi tiết nội dung sửa đổi và nội dung không sửa đổi tại Thông báo đã ban hành)*

Tên hàng hóa: Theo tiêu chí ¹ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá	Mã số HS:
Tóm tắt nội dung giao dịch: Theo tiêu chí ² mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá	
Tóm tắt nội dung đề nghị xác định trước trị giá của tổ chức, cá nhân: Theo tiêu chí ³ mục 2 Đơn đề nghị xác định trước trị giá	
Ý kiến của Tổng cục Hải quan: Lý do:	

2. Lý do sửa đổi:

3. Thông báo này thay thế Thông báo số..... ngày.... của Tổng cục trưởng Tổng cục hải quan và có hiệu lực.....

Nơi nhận:

- (tên tổ chức, cá nhân)
- (địa chỉ:.....);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (đề th/h);
- Lưu: VT, TXNK (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)